

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-PT

Ngày: 03 - 4 - 2024

V/v “*Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**

bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2023/QĐ - PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê H (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê H:

+ Bà Lê Thị X, sinh năm 1956; địa chỉ: khối H, phường C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Bà Lê Thị X1, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Ông Lê Văn A, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Đường B, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

2. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Đường B, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Nhật H2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

2. Bà Huỳnh Thị Phương T3, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Q.

Người kháng cáo: bị đơn Lê H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2022, bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn S và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Hộ gia đình chúng tôi (Huỳnh Tấn S, Nguyễn Thị N, Huỳnh Nhật H2 và Huỳnh Thị Phương T3) được UBND thị xã H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/6/1995 thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12), diện tích: 1.325m²; mục đích sử dụng: đất thổ cư; thời hạn sử dụng đất: lâu dài tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Từ trước đến nay, gia đình chúng tôi quản lý sử dụng đất ổn định. Năm 2019, chúng tôi làm đơn gửi đến các ngành chức năng của thành phố để xin đo đạc lại hiện trạng thực tế đất đai, nhà ở của gia đình. Chi nhánh Văn phòng Đ đo đạc thực tế thì diện tích theo hiện trạng đang sử dụng là 1.439m², tăng 114m² so với diện tích trong Giấy CNQSD đất. Chi nhánh Văn phòng Đ đã gửi thông báo đến các hộ liền kề để xác định tứ cận thì có 03 hộ đồng ý ký. Còn lại cha con ông Lê H và ông Lê Văn T2 không đồng ý ký xác định tứ cận cho chúng tôi với lý do: họ cho rằng gia đình tôi lấn chiếm thửa đất của họ phía Tây 20m², phía Nam 19m²; tổng cộng họ nói gia đình chúng tôi đã lấn chiếm 39m² đất. Qua nhiều lần địa phương tiến hành giải quyết tranh chấp đất đai theo đơn của ông Lê H và cả đơn của hộ chúng tôi, ông H, ông T2 cứ nói chúng tôi lấn chiếm đất nhưng không khởi kiện chúng tôi. Mặc dù ranh giới giữa 02 hộ đã ổn định từ rất lâu, phần diện tích đất tăng thêm mà chúng tôi làm thủ tục chỉnh lý biến động tăng không nằm trong phạm vi ranh giới giữa 02 bên, không liên quan đến phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy CNQSD đất cho ông H và ông T2. Nhưng từ đầu năm 2019 cho đến nay, cứ mỗi khi gia đình tôi làm thủ tục chỉnh lý biến động là họ lại cản trở, gửi đơn tranh chấp nhưng họ lại không khởi kiện chúng tôi, làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền sử dụng đất của gia đình chúng tôi. Các con chúng tôi đã thành gia lập thất, rất cần có một chỗ ở riêng biệt, ổn định. Đó là lý do chúng tôi cần chỉnh lý biến động để tách thửa tặng cho các con. Cũng chính vì hành vi cản trở đó của ông H, ông T2 đã làm chúng tôi không thể thực hiện được quyền của người sử dụng đất, làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Cũng chính vì thái độ, hành vi cố tình gây khó khăn, cản trở vô căn cứ của ông

Lê H và ông Lê Văn T2 nên chúng tôi khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê H và ông Lê Văn T2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của chúng tôi đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Tại bản trình bày ngày 10/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê H trình bày:

Hộ gia đình chúng tôi là chủ sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 2, diện tích 286m² tại thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Năm 2009, chúng tôi đã tách thửa đất trên thành 02 thửa đất mới là thửa đất số 131 và 480, tờ bản đồ số 12 tại thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Trong năm 2009, hộ gia đình tôi đã tặng cho vợ chồng ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị Diễm T4 thửa đất số 480.

Phía Nam của thửa đất số 131 và 480 là đất gia đình ông Huỳnh Tấn S. Khi gia đình chúng tôi làm nhà theo thói quen ở nông thôn, thường không làm nhà sát ngay ranh giới thửa đất nên gia đình tôi làm lui vào khoảng 0,6m. Một khoảng thời gian dài chỉ có cha mẹ tôi ở trên thửa đất số 131 và 480, nên gia đình ông S đã lấn đất của gia đình chúng tôi. Cha mẹ tôi già không quan tâm đến đất đai, khi tôi biết thì chuyện đã rồi, gia đình ông S đã lấn đất của gia đình. Do cha chúng tôi già yếu, không muốn ồn ào và vì tình làng xóm nên gia đình chúng tôi tạm thời để gia đình ông S có thời gian suy nghĩ, khắc phục, trả lại phần đất đã lấn chiếm của gia đình tôi. Tuy nhiên, vừa qua gia đình ông S đo đạc lại đất thì cho rằng phần đất đã lấn chiếm của gia đình tôi là đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông S. Hiện nay, 02 thửa đất của tôi và cha tôi còn thiếu khoảng 4m² do phía gia đình ông S lấn (cạnh 1-3: 13,85m trong khi Giấy CNQSD đất là 14,55m; cạnh 2-3: 14,68m trong khi Giấy CNQSD đất là 14,76m). Tuy nhiên, gia đình chúng tôi không khởi kiện vì cha tôi quá già yếu, gia đình phải lo làm ăn nên không có điều kiện khởi kiện. Tôi sẽ khởi kiện khi nào cần.

Vợ chồng ông S khởi kiện yêu cầu gia đình tôi “*chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*” là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần diện tích đất tăng thêm mà gia đình ông S yêu cầu đo vẽ không thuộc quyền sử dụng của ông S, nên không phát sinh quyền yêu cầu của gia đình ông S. Phần đất tăng thêm mà gia đình ông S đang yêu cầu không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông S, gia đình ông S không phải là chủ sử dụng đất đối với phần đất đó, trong đó có phần đất gia đình ông S đã lấn chiếm của gia đình tôi.

Tại bản trình bày ngày 07/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Nhật H2 trình bày:

Năm 1995, hộ gia đình tôi đã được UBND thị xã H cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/6/1995 thửa đất số 60; tờ bản đồ số 2 (nay là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12); diện tích: 1.325m². Gia đình tôi sử dụng ổn định, xây dựng nhà ở, tường rào kiên cố cho đến nay. Tháng 5/2017, gia đình tiến hành thủ tục chỉnh lý mục đích sử dụng đất. Khi Chi nhánh Văn phòng Đ đo đạc thì diện tích hiện trạng sử dụng của gia đình là 1.439m², tăng 114m² so với diện tích cấp trong Giấy CNQSD đất năm 1995. Phần tăng thêm này không phải là do lấn chiếm của người khác. Năm 2017, gia đình ông T2, ông H đã xác nhận ranh giới, ký xác nhận tứ cận cho chúng tôi. Tuy nhiên, đến

năm 2019, cũng ranh giới cố định đó đã được ký xác nhận năm 2017, họ không ký xác nhận, cho rằng gia đình tôi lấn chiếm 39m². Tường rào xác định ranh giới giữa hai bên đã được chúng tôi xây dựng năm 2005, đến năm 2009 hộ ông Lê H mới được nhà nước cấp Giấy CNQSD đất; năm 2017 cũng với ranh giới đó, ông H, ông T2 đã ký xác nhận tứ cận, nhưng đến năm 2019 thì cho rằng gia đình tôi lấn chiếm họ 39m² và đến nay thì cho rằng gia đình tôi lấn 4m².

Cứ mỗi lần gia đình tôi làm thủ tục là ông T2, ông H lại cản trở, cứ gửi đơn cho UBND xã C, nói chúng tôi lấn chiếm đất nhưng không khởi kiện chúng tôi, làm gia đình tôi không thể thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chỉnh lý biến động, tách thửa,... Do đó, tôi thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ba mẹ tôi: buộc ông Lê H và ông Lê Văn T2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của chúng tôi đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Tại bản trình bày ngày 16/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị Phương T3 có đại diện là ông Huỳnh Tấn S trình bày:

Bà T3 thống nhất với ý kiến của ba mẹ và anh trai. Bức tường rào ranh giới giữa hai bên gia đình đã có từ lâu chứ không phải mới làm đây. Ranh giới hai bên đã ổn định. Việc thiếu đất của gia đình ông Lê H, Lê Văn T2 không liên quan gì tới việc tăng diện tích của gia đình bà. Ông T2, ông H cứ cho rằng gia đình bà lấn đất mà không khởi kiện, cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình bà. Hiện nay, anh em bà rất bức xúc về chỗ ở. Chỉ vì việc cản trở của ông H, ông T2 làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng dứt điểm tranh chấp giữa hai bên, để gia đình bà T3 tiến hành làm thủ tục chỉnh lý biến động, tách thửa, giải quyết nhu cầu cấp bách của gia đình.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 15; Điều 165; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 12 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Tấn S và bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn, ông Lê H và ông Lê Văn T2.

Buộc ông Lê H và ông Lê Văn T2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Huỳnh Tấn S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023 ông Lê H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của TAND thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê H không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng

Về thời hạn kháng cáo: ông Lê H kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê H chết, Tòa án đã đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê H vào tham gia tố tụng.

Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 vắng mặt bị đơn ông Lê Văn T2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê H, nhưng những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo

[2.2.1]. Đối với nội dung Bản án sơ thẩm cho rằng ranh giới giữa hộ gia đình ông Lê H và gia đình ông Huỳnh Tấn S là tường rào xây kiên cố từ năm 2003-2004 là không có căn cứ, Hội đồng xét xử xét: mặc dù ông Huỳnh Tấn S không có chứng cứ chứng minh là tường rào xây kiên cố làm ranh giới giữa hộ gia đình ông Lê H và gia đình ông Huỳnh Tấn S được xây dựng từ năm 2003-2004, trong khi đó tại đơn kháng

cáo ông Lê H thừa nhận: thực tế tường rào xây kiên cố làm ranh giới giữa hộ gia đình ông Lê H và gia đình ông Huỳnh Tấn S được xây dựng từ năm 2013. Sau thời điểm hộ gia đình ông Lê H tách thửa đất số 54, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 131) thành thửa đất số 131 và thửa đất số 480. Như vậy, từ khi gia đình ông Huỳnh Tấn S xây tường rào xây kiên cố làm ranh giới giữa hộ gia đình ông Lê H và gia đình ông Huỳnh Tấn S từ năm 2013 đến nay hộ gia đình ông Lê H không tranh chấp, không quản lý sử dụng diện tích ngoài khuôn viên hàng rào và không có tài sản trên đất, nên bản án sơ thẩm buộc ông Lê H và ông Lê Văn T2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Huỳnh Tấn S là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2.2]. Đối với nội dung kháng cáo thửa đất của gia đình ông Lê H còn thiếu 04m² đất do phía gia đình ông Huỳnh Tấn S lấn (cạnh 1-3: dài 13,85m trong khi Giấy CNQSD đất của là 14,55m; cạnh 2-3: dài 14,68m trong khi Giấy CNQSD đất là 14,76m, Hội đồng xét xử xét: tại Biên bản xác định phần diện tích hộ ông Huỳnh Tấn S tăng do Chi nhánh Văn phòng Đ lập ngày 28/11/2022 (BL 20) đã cung cấp thông tin: vị trí phần diện tích hộ ông Huỳnh Tấn S tăng 114,9m² đất không nằm ở vị trí tiếp giáp với hộ ông Lê H và ông Lê Văn T2. Như vậy, phần diện tích hộ ông Huỳnh Tấn S tăng 114,9m² không có liên quan đến 02 cạnh mà ông Lê H cho rằng còn thiếu 04m² đất.

Năm 2009, hộ ông Lê H đã điều chỉnh diện tích giảm 39m² đất nhưng không có trích lục phân tích phần diện tích giảm, nên tại Công văn số 1850/UBND ngày 25/7/2023, UBND thành phố H không thể xác định được lý do giảm diện tích 39m² đất này.

Bản án sơ thẩm không tuyên cụ thể: buộc ông Lê H và ông Lê Văn T2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng chính lý biến động thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Huỳnh Tấn S đối với diện tích 114,9m² đất là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê H không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

[2.3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[2.4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 15, Điều 165, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 12 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Tấn S và bà Nguyễn Thị N về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn ông Lê H và ông Lê Văn T2.

Buộc ông Lê Văn T2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê H (gồm: bà Lê Thị X, ông Lê Văn H1, bà Lê Thị X1, ông Lê Văn A, ông Lê Văn T, bà Lê Thị B và ông Lê Văn T1) chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng chính lý biên động thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Huỳnh Tấn S đối với diện tích 114,9m² đất (*kèm theo Biên bản xác định phần diện tích hộ ông Huỳnh Tấn S tặng do Chi nhánh Văn phòng Đ lập ngày 28/11/2022*).

2. Về Án phí:

Ông Huỳnh Tấn S và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng 1.600.000 đồng: ông Huỳnh Tấn S tự nguyện chịu 1.600.000 đồng và đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 03/4/2024*).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Hội An;
- CCTHADS thành phố Hội An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

"Đã ký"

Nguyễn Hữu Thịnh

